**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN VĨNH THUẬN**
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **12**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1.** Bà Nguyễn Thị Diền.

**2.** Ông Đào Hoàng Khương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Thái Thúy H, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2018; tại bản tự khai đề ngày 10/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Thái Thúy H trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh D kết hôn năm 2013, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến tháng 12/2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm,

thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc nên chị H về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàng gắn nên chị Hyêu cầu ly hôn với anh D.

- *Về con chung*: Chị H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 22/02/2014, từ khi ly thân đến nay anh D là người trực tiếp nuôi con, chị H thống nhất giao con cho anh D nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai đề ngày 09/4/2018 bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Thống nhất lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, vợ chồng không đăng ký kết hôn; cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do thường xuyên bất đồng quan điểm, cự cãi nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh D đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Có 01 con chung Nguyễn Thảo V, sinh ngày 22/02/2014, hiện nay anh D là người trực tiếp nuôi con, anh D thống nhất tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu*: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự; anh D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh D là đúng quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểu 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thái Thúy H và anh Nguyễn Văn D do vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về con chung, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị H và anh D giao cháu Nguyễn Thảo V, sinh ngày 22/02/2014 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị H và anh D không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Văn D có đơn xin xát xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị H yêu cầu ly hôn với anh D và có yêu cầu giao con chung cho anh D nuôi dưỡng. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Chị H và anh D được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2013, anh chị chung sống là tự nguyện và không vị phạm các điều kiện cấm kết hôn, quá trình chung sống anh, chị không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay anh, chị mâu thuẩn và chị H xin ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh D.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh D xác định trong thời gian chung sống anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Thảo V, giới tính nữ, sinh ngày 22/02/2014; Cháu V hiện tại anh D đang nuôi dưỡng. Chị H và anh D thỏa thuận chị Huỳnh tiếp tục giao cho anh D là người trực tiếp nuôi con và anh D cũng thống nhất nuôi con; viện thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, hơn nữa từ khi anh chị ly thân đến nay anh D là người trực tiếp nuôi con và cuộc sống của con vẫn được đảm bảo và chính quyền địa phương cũng đã xác nhận nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh D và chị H; Giao cháu Nguyễn Thảo V, giới tính nữ, sinh ngày 22/02/2014 cho anh D là người trực tiếp nuôi con, chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn*: Anh D là người trực tiếp nuôi con nhưng anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H và anh D xác định trong thời kỳ hôn nhân anh chị không có tài sản chung và không thiếu nợ ai. Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị H chịu toàn bộ.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1** - *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thái Thúy H với anh Nguyễn Văn D.

**2** - *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thảo V, giới tính nữ, sinh ngày 2014 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng (cháu Thảo V đang chung sống với anh D), chị H không cấp dưỡng nuôi con. Chị H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật)*.

**3** - *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có. Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

**4** - *Án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị Thái Thúy H chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0005511 ngày 27/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

**5** - Nguyên đơn chị Thái Thúy H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/6/2018). Bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự*"./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Vinh**